TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY ĐỨC** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 3 năm 2023
"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khiêm

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Hoa Thám và ông Vũ Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại phòng xét xử Toà án nhân dân huyện Tuy Đức mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 144/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-DS, ngày 22 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị H, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Bị đơn: Anh Vũ Quang A, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Cao Thị H trình bày: Tôi và anh A về chung sống với nhau từ năm 2003 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông trên cơ sở tự nguyện, không ép buộc. Trong quá trình chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vá, chửi bới nhau làm cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và thực tế đã ly thân 02 năm. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn với anh A.

Về con chung: Có 02 con chung là Vũ Nhật H, sinh ngày 21/12/2003 và Vũ

Nguyệt M, sinh ngày 04/3/2009. Sau khi ly hôn tôi nuôi dưỡng Vũ Nguyệt M, sinh ngày 04/3/2009 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Đối với Vũ Nhật H, sinh ngày 21/12/2003 đã trương thành hiên khỏe mạnh, không bệnh tật gì nên không yêu cầu.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vũ Quang A trình bày: Tôi và chị H về chung sống với nhau từ năm 2003 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Khoảng 02 năm trở lại đây do đặc thù công việc, thường xuyên phải đi trực chốt nên ít dành thời gian quan tâm đến vợ con. Vợ chồng cũng có chút hiểu lầm nên xảy ra mâu thuẫn, cãi vả do bất đồng quan điểm. Tuy nhiên tôi còn tình cảm với chị H nên tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Vũ Nhật H, sinh ngày 21/12/2003 và Vũ Nguyệt M, sinh ngày 04/3/2009. Trường hợp chị H cương quyết ly hôn và Tòa án giải quyết cho chúng tôi ly hôn thì đối với Vũ Nhật H, sinh ngày 21/12/2003 đã trưởng thành hiện khỏe mạnh, không bệnh tật gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn Vũ Nguyệt M, sinh ngày 04/3/2009 theo nguyện vọng của con.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức: Quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58, Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thị H đối với anh Vũ Quang A; Giao cháu Vũ Nguyệt M, sinh ngày 04/3/2009 cho chị Cao Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành. Đối với cháu Vũ Nhật H, sinh ngày 21/12/2003 đã trương thành hiên khỏe mạnh, không bệnh tật gì nên không đề cập và chị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Cao Thị H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn và con chung đối với anh Vũ Quang A. Anh A có nơi cư trú tại Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông. Như vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức và quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ theo quy định tại Điều 171, 173 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh A vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh A chung sống với nhau là tự nguyện có đăng ký kết hôn. Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau. Qúa trình giải quyết vụ án nguyên đơn cho rằng đã ly thân 02 năm, bị đơn thừa nhận 02 năm gần đây do công việc nên ít quan tâm đến vợ con. Hội đồng xét xử thấy: Theo quy định tại Điều 17 và Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "*Vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình…"*

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa tuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

Đối chiếu với quy định trên, lời khai của các đương sự và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn cương quyết ly hôn, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thị H đối với anh Vũ Quang A.

[4]. Về con chung: Chị H muốn nuôi dưỡng con chung Vũ Nguyệt M, sinh ngày 04/3/2009 và cháu M có nguyện vọng sống với chị H nên cần giao con chung là Vũ Nguyệt M, sinh ngày 04/3/2009 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh A có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Đối với Vũ Nhật H, sinh ngày 21/12/2003 đã trương thành hiện khỏe mạnh, không bệnh tật gì nên không đề cập

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Cao Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều

81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị H đối với anh Vũ Quang A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị H được ly hôn với anh Vũ Quang A.

2. Về con chung: Giao con chung là Vũ Nguyệt H, sinh ngày 04/3/2009 cho chị Cao Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Vũ Quang A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Cao Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002387, ngày 17 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thười hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- UBND xã Q;
(nơi đương sự đăng ký kết hôn)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Khiêm